TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KIM BẢNG
TỈNH HÀ NAM

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 14/2023/HNGĐ - ST
Ngày 28-6-2023
V/v tranh chấp về ly hôn,
nuôi con chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIM BẢNG, TỈNH HÀ NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Đức Thạo.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Trần Ngọc Luân.
2. Bà Phạm Thị Hồng Hạnh.

- Thư ký phiên toà: Bà Trần Thị Đào – Thư ký Toà án nhân dân huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam tham gia phiên toà: Bà Đinh Thị Phương Hoa - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 39/2023/TLST – HNGĐ ngày 26 tháng 4 năm 2023 về "*Tranh chấp về ly hôn và nuôi con chung*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 6 năm giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị D, sinh năm 1995; địa chỉ: T, xã H, huyện K, tỉnh Hà Nam; vắng mặt.

- *Bị đơn:* Anh Lê Văn V, sinh năm 1989; địa chỉ: Thôn T, xã H, huyện K, tỉnh Hà Nam; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện xin ly hôn và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị D trình bày: Chị kết hôn với anh Lê Văn V trên cơ sở tự nguyện, tự do tìm hiểu, có đăng ký kết hôn ngày 11/11/2013 tại Ủy ban nhân dân (UBND) xã Hoàng Tây, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận đến đầu năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng luôn bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói

chung nên thường xuyên xảy ra xô xát cãi chửi nhau, mặc dù mâu thuẫn vợ chồng anh chị đã được hai bên gia đình nội, ngoại hòa giải nhưng không thành. Do vợ chồng mâu thuẫn căng thẳng nên từ tháng 02/2021 chị đã về nhà bố mẹ đẻ sinh sống, vợ chồng li thân nhau từ đó và không còn quan tâm đến tình cảm, cuộc sống riêng của nhau nữa. Nay chị D xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Lê Văn V.

Tại lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn là anh Lê Văn V trình bày: Về thời gian, điều kiện kết hôn giữa anh với chị Nguyễn Thị D và thời điểm vợ chồng sống li thân đúng như chị D đã trình bày. Còn về nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do chị D có tính vụng về, chậm chạp, lười lao động, không biết công việc nội trợ trong gia đình và không biết chăm sóc con cái. Nay chị D xin ly hôn, anh xác định tình cảm vợ chồng giữa anh với chị D không còn nên anh cũng nhất trí ly hôn.

Về con chung: Chị D và anh V thống nhất xác định vợ chồng anh chị có hai con chung là Lê Thị Th, sinh ngày 20/9/2014 và Lê Quang H, sinh ngày 09/9/2017, hiện nay cả hai cháu đều đang ở với anh V. Anh chị đều thống nhất quan điểm khi vợ chồng ly hôn sẽ giao cả hai cháu Th và H cho anh V nuôi dưỡng, chị D có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con 2.000.000 đồng/1 cháu/1 tháng. Tuy nhiên, về phương thức cấp dưỡng nuôi con thì anh chị không thỏa thuận được, chị D đề nghị cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng một lần, còn anh V yêu cầu chị D cấp dưỡng nuôi con một lần ngay sau khi ly hôn.

Về con riêng: Chị D và anh V không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Về tài sản chung, tài sản riêng, công sức đóng góp, công nợ, đất nông nghiệp: Chị D, anh V thống nhất không có nên không yêu cầu Toà án xem xét, giải quyết.

Tại phiên toà, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Thẩm phán thụ lý giải quyết vụ án, xác định tư cách đương sự đều đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên toà, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn chưa thực hiện đúng, đầy đủ quyền, nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại các Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 55, 81, 82, 83, 107, 108, 110, 116, 117, 118 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án, chấp nhận đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị D, xử: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị D và anh Lê Văn V. Về con chung: Giao cả hai cháu Lê Thị Th, sinh ngày 20/9/2014 và cháu Lê Quang H,

sinh ngày 09/9/2017 cho anh V tiếp tục nuôi dưỡng; chị D có trách nhiệm đóng góp phí tổn nuôi con 1 tháng là 2.000.000 đồng/1 cháu kể từ khi ly hôn đến khi các cháu trưởng thành tự lập được. Về án phí: Chị D phải chịu 150.000 đồng (chị D xin chịu thay cả phần anh V) án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị D đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0002090 ngày 26/4/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam, chị D còn phải nộp tiếp tiền án phí là 150.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng:* Nguyên đơn là chị Nguyễn Thị D có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] *Về hôn nhân:* Quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị D và anh Lê Văn V là hợp pháp, anh chị đăng ký kết hôn với nhau ngày 11/11/2013 tại UBND xã Hoàng Tây, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam. Sau ngày kết hôn anh chị chung sống hòa thuận được khoảng 07 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hợp, thường xuyên bất đồng quan điểm dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra to tiếng cãi, chửi nhau. Từ tháng 02/2021 chị D đã về nhà bố mẹ đẻ sinh sống, vợ chồng li thân nhau từ đó đến nay không còn quan tâm đến tình cảm và cuộc sống của nhau nữa. Nay cả chị D và anh V cùng xác định tình cảm vợ chồng không còn và cùng có quan điểm đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn. Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã thu thập có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử thấy rằng hôn nhân giữa chị D và anh V thực sự đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do vậy, xử công nhận thuận tình ly hôn giữa chị D và anh V là hoàn toàn phù hợp với Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] *Về con chung và cấp dưỡng nuôi con:*

[3.1] *Về con chung và mức cấp dưỡng nuôi con:* Chị D và anh V có hai con chung là Lê Thị Th, sinh ngày 20/9/2014 và Lê Quang H, sinh ngày 09/9/2017, hiện nay cả hai cháu đều đang ở với anh V. Anh chị thỏa thuận nếu vợ chồng ly hôn sẽ giao cả hai cháu cho anh V trực tiếp nuôi dưỡng, chị D có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung với mức là 2.000.000đồng/1 cháu/1 tháng. Xét sự thỏa thuận này là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình nên cần được chấp nhận.

[3.2] *Về phương thức cấp dưỡng nuôi con:* Chị D và anh V không thống nhất được với nhau về phương thức cấp dưỡng nuôi con, quan điểm của chị D đề nghị cấp dưỡng nuôi con định kỳ hàng tháng một lần, còn anh V yêu cầu chị D thanh toán toàn bộ tiền cấp dưỡng nuôi con một lần ngay sau khi vợ chồng ly hôn. Hội đồng xét xử thấy rằng hiện nay chị D làm nghề tự do thu nhập chỉ ở mức bình thường, bản thân anh V không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh chị D có tài sản hoặc thu nhập riêng nào khác. Hơn nữa, khoản cấp dưỡng đối với hai con kể từ thời điểm này đến khi các cháu 18 tuổi là một số tiền lớn, nếu buộc chị D thi hành một lần thì sẽ không phù hợp với thu nhập và khả năng thực tế của chị D. Vì vậy, cần buộc chị D có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo định kỳ hàng tháng, kể từ tháng 7/2023 đến khi cháu Th và cháu H đủ 18 tuổi là hoàn toàn phù hợp với các Điều 108, 117 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] *Về con riêng; tài sản chung; tài sản riêng; công nợ; công sức đóng góp và diện tích đất nông nghiệp:* Chị D và anh V không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] *Về án phí:* Chị D và anh V thuận tình ly hôn nên mỗi bên phải chịu 50% án phí ly hôn sơ thẩm; chị D phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

[6] *Quyền kháng cáo:* Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271, Điều 272 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 107, Điều 108, Điều 110, Điều 116, Điều 117, Điều 118 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5, điểm d khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Xử công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị D và anh Lê Văn V.

2. Về con chung: Giao cháu Lê Thị Th, sinh ngày 20/9/2014 và cháu Lê Quang H, sinh ngày 09/9/2017 cho anh V trực tiếp nuôi dưỡng. Chị D có nghĩa vụ góp tiền cấp dưỡng nuôi cháu Th và cháu H cho anh V 2.000.000đ (hai triệu đồng)/1 cháu/1 tháng, kể từ tháng 7/2023 cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi; phương thức cấp dưỡng được thực hiện theo định kỳ hàng tháng.

Anh V cùng các thành viên gia đình không được cản trở chị D trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các con chung.

3. Án phí: Chị Nguyễn Thị D và anh Lê Văn V mỗi người phải chịu 75.000đ (bảy mươi lăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm; chị Nguyễn Thị D phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con. Chấp nhận sự tự nguyện của chị D, chuyển số tiền tạm ứng án phí chị D đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0002090 ngày 26 tháng 4 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam để đối trừ vào tiền án phí ly hôn chị D và anh V phải chịu. (Chị D và anh V đã thi hành xong phần án phí ly hôn sơ thẩm). Chị D còn phải nộp tiếp tiền án phí là 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng).

Án xử công khai sơ thẩm, báo cho đương sự có mặt biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án. Nếu bên phải thi hành án không tự nguyện thi hành xong các khoản tiền thì hàng tháng còn phải chịu lãi suất của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Hà Nam;
- VKSND huyện Kim Bảng;
- Chi cục THADS H. Kim Bảng;
- UBND xã Hoàng Tây;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Đức Thạo